

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT

Ngày 15-12-2022

V/v tranh chấp về yêu cầu mở lối
đi qua bất động sản liền kề và di
dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLPT-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề và di dời tài sản trên đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2022/QĐ-PT, ngày 10-11-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2022/QĐ-PT ngày 23-11-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2022/QĐ-PT, ngày 02-12-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lăng Thị L1; địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 29-11-2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn Q; địa chỉ: Tổ *, khu phố *, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Ngọc Đ; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền ngày 29-3-2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đào Thị Thúy M - Luật sư Công ty Luật TNHH V, địa chỉ: Số ***, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Văn T; có mặt.

2. Bà Đặng Thị H; có mặt.

3. Bà Hùng Thị M; vắng mặt.

4. Chị Lăng Thị L2; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Lăng Thị L1; địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Hà Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn là chị Lăng Thị L2, chị Lăng Thị L1 đều trình bày:

Gia đình nguyên đơn có thửa đất số 167, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.111,2m² tại thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ bà Ngô Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 04-10-2005. Nguồn gốc đất do bố mẹ chồng nguyên đơn là cụ Lăng Văn B và cụ Nguyễn Thị L để lại. Bố mẹ chồng nguyên đơn đã làm nhà và sinh sống trên thửa đất này từ những năm 1950, khi đó để đi ra đường dân sinh của thôn hai cụ sử dụng một lối đi qua trước cửa nhà bố đẻ của bị đơn là cụ Hà Văn L. Năm 1987, nguyên đơn về làm dâu và vẫn sử dụng lối đi này. Đến năm 2007, vợ chồng bị đơn đề nghị đổi vị trí lối đi, từ lối đi cũ ở trên sang vị trí lối đi mới giáp với tường nhà bà Đỗ Thị L (vị trí hiện nay nguyên đơn đang yêu cầu mở lối đi), hai gia đình thống nhất nhưng không lập thành văn bản. Lối đi mới có chiều rộng khoảng 2,1m, dài khoảng 10,9m, thuộc thửa đất 173 mà bị đơn đã được cấp GCNQSDĐ. Gia đình nguyên đơn đã sử dụng lối đi này đến tháng 5-2020, phía bị đơn đã rào lối đi lại nên xảy ra tranh chấp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là ông Hà Văn T, bà Đặng Thị H, bà Hùng Thị M đều trình bày:

Gia đình bị đơn có thửa đất 173 giáp với thửa đất số 167 của gia đình nguyên đơn. Thửa đất 173 đã được UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Hà Văn Q theo GCNQSDĐ ngày 02-11-2005. Nguồn gốc đất của bố mẹ đẻ của

bị đơn là ông Hà Văn L, bà Hùng Thị M tặng cho ông Hà Văn Q. Gia đình bị đơn có 03 anh em trai, gồm: Hà Văn Q, Hà Ngọc Đ, Hà Văn T. Bị đơn và gia đình chuyển vào tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống, đã giao diện tích đất trên cho ông Hà Văn T sử dụng. Phía bị đơn thừa nhận có việc nhà nguyên đơn sử dụng lối đi qua trước cửa nhà của cụ Hà Văn L để ra đường trung tâm của thôn từ xưa như nguyên đơn trình bày, nhưng do đi lại nhiều nên thành lối mòn chứ không phải lối đi và cũng xác nhận có việc hoán đổi lối đi vào năm 2007 như nguyên đơn trình bày.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11-5-2021 xác định như sau:

Thửa đất 167 nằm hoàn toàn phía trong các thửa đất khác, cụ thể: Phía Đông giáp đất ruộng ông Hà Văn T, phía Tây giáp đất nhà bà Đỗ Thị L, phía Nam giáp đất ông Hà Văn Q, phía Bắc giáp đất ông Lăng Văn T; tứ cận thửa đất được xây tường bao cố định, riêng phần đất tiếp giáp với nhà ông Hà Văn T có 01 tường rào bằng tre và 01 hàng gạch xi măng xếp.

Lối đi nguyên đơn yêu cầu mở là 23,6m², thuộc một phần thửa 173 và thửa 167, cùng tờ bản đồ 23, cụ thể: 20m² thuộc thửa 173 và 3,6m² thuộc thửa số 167; lối đi có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất bà Ngô Thị L; phía Đông giáp đất ông Hà Văn Q; phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp đất bà Đỗ Thị L. Tài sản trên lối đi gồm: 01 đồng củi, 01 hàng gạch xếp, 01 cây đào, 01 cây nhãn. Giá trị đất theo giá thị trường của 23,6m² là 6.136.000 đồng. Giá trị tài sản trên đất do không tranh chấp, các bên đương sự không yêu cầu định giá.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có diện tích 23,6m² thuộc một phần thửa đất số 173, 167 tờ bản đồ 23; nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán giá trị đất mở lối đi 23,6m² x 260.000 đồng/m² = 6.136.000 đồng và nguyên đơn có quyền được quản lý, sử dụng diện tích đất này; yêu cầu hộ ông Hà Văn T phải di dời đồng củi, hàng gạch trên diện tích đất lối đi. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến nguyên đơn đã đưa ra ở trên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn qua thửa đất số 173 của bị đơn đã được cấp GCNQSDĐ. Ngoài lối đi này, nguyên đơn còn có thể mở lối đi khác qua thửa 150 của ông Lăng Văn T, mặt khác ông Lăng Văn T là anh em trong gia đình nguyên đơn nên yêu cầu mở lối đi quan đất nhà ông Lăng Văn T mới đúng. Về chi phí tố tụng, nguyên đơn là người khởi kiện nên phải chịu toàn bộ chi phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn nhất trí với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đã đưa ra ở trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, buộc bị đơn phải mở lối đi có diện tích 23,6m² thuộc một phần thửa 173 và 167, các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định và buộc hộ ông Hà Văn T phải di dời đồng cũi, hàng gạch trên lối đi. Ngoài ra, bản án còn ghi nhận sự tự nguyện nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 6.136.000 đồng và tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả tiền, về án phí và về quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Ngọc Đ kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Hà Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Văn Q và bà Lăng Thị L1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị L đã tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, cụ thể:

Bị đơn nhất trí mở cho nguyên đơn một lối đi có chiều rộng 1,5m; một cạnh chiều dài giáp tường gạch nhà bà Đỗ Thị L có chiều dài là 13,7m, gồm các điểm A3, A4, A5, A6; một cạnh chiều dài sát nhà ông Hà Văn Q có chiều dài là 13,4m, gồm các điểm K, E, M, N có tổng diện tích 20,2m² đất, gồm: Diện tích 16,8m² đất, vị trí đỉnh thửa: A5, E, M, N, A3, A4, thuộc một phần thửa đất số 173, tờ bản đồ số 32, tỉ lệ 1/1000; diện tích 3,4m² đất, vị trí đỉnh thửa: A6, K, E, A5, thuộc một thửa đất số 167, tờ bản đồ số 32, tỉ lệ 1/1000.

Bà Ngô Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị diện tích đất mở lối đi cho ông Hà Văn Q với số tiền là 6.136.000 đồng. Bà Ngô Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.305.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hà Văn Q.

Buộc hộ ông Hà Văn T phải di dời đồng cũi, hàng gạch (nằm trên diện tích lối đi trên) để trả lại lối đi cho bà Ngô Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 285, 286, 292 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 293, 296, 297, 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, chuẩn bị khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, xem xét việc có người vắng mặt tại phiên tòa, hỏi về kháng cáo. Thư ký đã thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Ôn định phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, thực hiện ghi biên bản phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tham gia phiên tòa phúc thẩm, chấp hành nội quy phiên tòa, bị đơn, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã có ủy quyền.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng khác: Người đại diện chấp hành đúng quy định Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án dân dân sự: Ngày 15/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tham gia phiên tòa. Ngày 20/7/2022 có đơn kháng cáo, ngày 25/7/2022 Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng nhận được đơn kháng cáo của bị đơn, trong thời hạn 15 ngày đương sự có quyền kháng cáo. Căn cứ Điều 273, 274 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo: Diện tích đất yêu cầu mở lối đi theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định tổng diện tích đất là 23,6m², trong đó thửa 173 là 20m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Văn Q; thửa 167 là 3,6m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị L. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn mở lối đi qua thửa đất của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận, về diện tích đất lối đi thuộc một phần thửa đất số 167 và thửa 173 cùng tờ bản đồ số 23 tại thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có chiều rộng lối đi là 1,5m, tổng diện tích đất là 20,2m². Bà Ngô Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 6.136.000 đồng cho bị đơn. Bà L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 10.305.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng thay cho bị đơn. Bị đơn có trách nhiệm di dời tài sản là hàng gạch xếp và đồng cũi có trên diện tích đất lối đi trên.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai hoặc đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Đối với kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hà Ngọc Đ về việc không chấp nhận yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn, thấy rằng: Lối đi nguyên đơn yêu cầu mở có diện tích 23,6m² thuộc một phần thửa 173 và 167. Lối đi này gia đình nguyên đơn đã sử dụng từ năm 2007, trên cơ sở nhà bị đơn đề nghị hoán đổi vị trí lối đi, từ lối đi cũ qua cửa nhà ông Hà Văn L (là bố đẻ bị đơn) mà gia đình nguyên đơn đã sử dụng từ những năm 1950, sang vị trí lối đi mới là lối đi hiện nay nguyên đơn yêu cầu mở. Việc hoán đổi lối đi do nhà bị đơn đề nghị, vị trí lối đi hoán đổi để thuận tiện cho việc sử dụng và đi lại của hai gia đình nên gia đình nguyên đơn đã nhất trí thực hiện. Quá trình gia đình nguyên đơn sử dụng lối đi này từ 2007 đến tháng 5-2020 không phát sinh tranh chấp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án, cụ thể:

[4] Về việc mở lối đi: Bị đơn nhất trí mở cho nguyên đơn một lối đi có chiều rộng 1,5m; một cạnh chiều dài giáp tường gạch nhà bà Đỗ Thị L có chiều dài là 13,7m, gồm các điểm A3, A4, A5, A6; một cạnh chiều dài sát nhà ông Hà Văn Q có chiều dài là 13,4m, gồm các điểm K, E, M, N có tổng diện tích 20,2m² đất, gồm: Diện tích 16,8m² đất, vị trí đỉnh thửa: A5, E, M, N, A3, A4, thuộc một phần thửa đất số 173, tờ bản đồ số 32, tỉ lệ 1/1000; diện tích 3,4m² đất, vị trí đỉnh thửa: A6, K, E, A5, thuộc một thửa đất số 167, tờ bản đồ số 32, tỉ lệ 1/1000. Bà Ngô Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị diện tích đất mở lối đi cho ông Hà Văn Q với số tiền là 6.136.000 đồng. Buộc hộ ông Hà Văn T phải di dời đống củi, hàng gạch nằm trên diện tích lối đi trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.305.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng cho ông Hà Văn Q.

[7] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoản 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì trường hợp các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Ông Hà Ngọc Đ là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có kháng cáo nên bị đơn ông Hà Văn Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 245, 254, 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 170, 171, 203 của Luật Đất đai 2013.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoản 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bị đơn ông Hà Văn Q mở cho nguyên đơn bà Ngô Thị L một lối đi có chiều rộng 1,5m; một cạnh chiều dài giáp tường gạch nhà bà Đỗ Thị L có chiều dài là 13,7m, gồm các điểm A3, A4, A5, A6; một cạnh chiều dài sát nhà ông Hà Văn Q có chiều dài là 13,4m, gồm các điểm K, E, M, N có tổng diện tích 20,2m² đất, gồm: Diện tích 16,8m² đất, vị trí đỉnh thừa: A5, E, M, N, A3, A4, thuộc một phần thửa đất số 173, tờ bản đồ số 32, tỉ lệ 1/1000; diện tích 3,4m² đất, vị trí đỉnh thừa: A6, K, E, A5, thuộc một thửa đất số 167, tờ bản đồ số 32, tỉ lệ 1/1000 (chi tiết cụ thể có trích đo kèm theo).

Nguyên đơn bà Ngô Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị diện tích đất mở lối đi cho bị đơn ông Hà Văn Q với số tiền là 6.136.000 đồng (sáu triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Buộc hộ ông Hà Văn T phải di dời đồng cũi, hàng gạch nằm trên diện tích lối đi trên.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.305.000 đồng (mười triệu ba trăm linh năm nghìn đồng). Xác nhận bà Ngô Thị L đã nộp đủ số tiền này theo Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 25/4/2022 và ngày 13/6/2022.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Hà Văn Q. Xác nhận bà Ngô Thị L đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004119, ngày 12-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hà Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung vào ngân sách nhà nước. Xác nhận ông Hà Ngọc Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004330, ngày 25-7-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.H, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vi Đức Trí

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

